

Bản án số: 18/2020/DS-ST.

Ngày: 17/11/2020.

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thi.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 17/11/2020, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020/TLST-DS ngày 16/6/2020 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-DS ngày 13/10/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng Sacombank);

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Công H, sinh năm 1973, chức vụ: Phó phòng Phòng giao dịch An Khê;

Địa chỉ: Số 24 Hoàng Văn Thụ, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Anh Đào Công L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ dân phố (TDP) 10 (trước đây là TDP 15), thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

*Ông H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Sacombank (Ngân hàng) và được bổ sung tại bản tự khai ngày 18/6/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Công H trình bày:*

Ngày 24/5/2016, anh Đào Công L đã vay vốn tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Gia Lai-Phòng giao dịch An Khê với số tiền vay là 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD 16145.00336

ngày 24/5/2016 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 24/5/2016; mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn cho vay là 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/5/2019; lãi suất vay trong hạn là 0,45%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất theo quy định trong Hợp đồng và giấy nhận nợ tương ứng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; khoản vay này không bảo đảm bằng tài sản.

Sau khi vay vốn, anh L đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 27.641.800 đồng và số tiền lãi là 4.114.747 đồng. Số tiền anh L còn nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở anh trả nợ nhưng anh vẫn cố tình không trả. Vì vậy, ngày 08/8/2017, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và tính đến hết ngày 02/12/2019, anh L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 44.728.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.245.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.625.884 đồng và số tiền lãi phạt quá hạn là 748.470 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 10/8/2015, anh L được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí, lãi phát sinh là 16.820.395 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, anh L đã trả cho Ngân hàng số tiền là 9.750.000 đồng, số tiền còn nợ bao gồm cả gốc và lãi là 7.070.395 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh L vẫn không chịu trả nợ nên tính đến hết ngày 03/10/2019, anh còn nợ Ngân hàng số tiền là 7.070.395 đồng, gồm: Nợ gốc là 3.064.762 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.005.633 đồng

Tại Bảng kê tính lãi bổ sung, Ngân hàng đã yêu cầu anh L phải trả thêm số tiền đối với khoản vay từ Hợp đồng tín dụng phát sinh từ ngày 03/10/2019 đến ngày 17/11/2020 (*ngày xét xử sơ thẩm*), gồm: Nợ lãi quá hạn là 4.146.224 đồng và số tiền lãi phạt quá hạn là 672.554 đồng. Vì vậy, số tiền Ngân hàng yêu cầu anh L phải trả nợ cho Ngân hàng tổng cộng là 62.166.132 đồng, gồm: Nợ gốc là 44.728.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.245.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.772.108 đồng và số tiền lãi phạt quá hạn là 1.421.024 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 17/11/2020*).

Ngân hàng yêu cầu anh L phải trả thêm số tiền nợ thẻ tín dụng đã quá hạn tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày 17/11/2020 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 1.578.372 đồng nên tổng số tiền anh L phải trả cho Ngân hàng là 8.648.767 đồng, gồm: 3.064.762 đồng nợ gốc và 5.584.005 đồng tiền lãi quá hạn.

***Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:***

- 01 Giấy ủy quyền về việc ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng số 4028/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 (bản sao);
- 01 Giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng số 229/GUQ-CNGL ngày 12/10/2019 (bản chính);
- 01 Hợp đồng lao động số số 58/2015 ngày 02/4/2015 (bản photo);
- 01 Đơn yêu cầu xác nhận tình trạng cư trú đối với ông Đào Công L ngày 12/9/2019 (bản sao);
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao);

- 01 Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 16145.00336 ngày 24/5/2016 (bản sao);
- 01 Giấy đề nghị kiêm phương án vay của anh Đào Công L (bản photo);
- 01 Giấy nhận nợ áp dụng trong cho vay từng lần (bản sao);
- 01 Giấy CMND mang tên Đào Công L (bản photo);
- 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Thị Sinh (bản photo);
- 02 Giấy CMND mang tên Võ Thị Nhược Thủy và Lê Công H (đều bản sao);
- 01 Tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp của anh Đào Công L (bản photo);

***Đối với bị đơn anh Đào Công L:***

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập anh L đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tổ chức nhưng anh L luôn vắng mặt.

Do vụ án không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì anh L vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 29/10/2020 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Toà án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa họp lệ nhưng anh L luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) 2015.

***Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:***

Anh Đào Công L, sinh năm 1987, có địa chỉ tại: TDP 10, thị trấn K, huyện K, tỉnh G; điều này được thể hiện qua chứng cứ do Ngân hàng giao nộp là Giấy CMND mang tên Đào Công L (*bản photo*), Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị S (*bản photo*).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng dân sự:**

Việc vay vốn giữa anh Đào Công L với Ngân hàng được thể hiện qua Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD 16145.00336 ngày 24/5/2016; Giấy nhận nợ số 01 ngày 24/5/2016 và Tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Vì vậy, việc anh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết buộc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ là thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

**[2] Về nội dung giải quyết vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Tại chứng cứ do Ngân hàng Sacombank cung cấp là Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD

16145.00336 ngày 24/5/2016 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 24/5/2016 đã thể hiện vào ngày 24/5/2016, anh Đào Công L có vay vốn tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Gia Lai-Phòng giao dịch An Khê với số tiền vay là 70.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay là 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/5/2019; lãi suất vay trong hạn là 0,45%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất theo quy định trong Hợp đồng và giấy nhận nợ tương ứng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; khoản vay này không bảo đảm bằng tài sản.

Tại chứng cứ do Ngân hàng Sacombank cung cấp là Tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp của anh Đào Công L ngày 28/7/2015 thì vào ngày 10/8/2015, anh L được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 10.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Tuy nhiên, sau khi vay tiền của Ngân hàng thì anh L đã không trả được nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở anh trả nợ, buộc Ngân hàng phải chuyển nợ quá hạn. Theo đó, đối với khoản vay từ Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/11/2020 thì anh L còn nợ gốc là 44.728.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.245.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.772.108 đồng và số tiền lãi phạt quá hạn là 1.421.024 đồng, tổng cộng là 62.166.132 đồng.

Đối với khoản vay từ thẻ tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/11/2020 thì anh L còn nợ 3.064.762 đồng nợ gốc và 5.584.005 đồng tiền lãi quá hạn, tổng cộng là 8.648.767 đồng.

Như vậy, việc anh L vay nợ Ngân hàng Sacombank với hai khoản vay nêu trên là đúng sự thật. Do anh vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, buộc Ngân hàng phải chuyển các khoản nợ của anh thành nợ quá hạn và khởi kiện đòi nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, điều này thể hiện việc anh có vay nợ nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh L là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận: Buộc anh L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ từ khoản vay của Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/11/2020 là 44.728.000 đồng nợ gốc, 7.245.000 đồng nợ lãi trong hạn, 8.772.108 đồng nợ lãi quá hạn và 1.421.024 đồng tiền lãi phạt quá hạn, tổng cộng là 62.166.132 đồng.

Buộc anh L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ từ khoản vay thẻ tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/11/2020 là 3.064.762 đồng nợ gốc và 5.584.005 đồng nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 8.648.767 đồng.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật là 3.540.744 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, 463, 465, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, buộc bị đơn anh Đào Công L phải trả cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Gia Lai-Phòng giao dịch An Khê số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD 16145.00336 ngày 24/5/2016 là: 62.166.132 đồng, bao gồm nợ gốc là 44.728.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.245.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 8.772.108 đồng và số tiền lãi phạt quá hạn là 1.421.024 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 17/11/2020*) và số tiền phát sinh từ nợ thẻ tín dụng là 8.648.767 đồng, bao gồm: 3.064.762 đồng nợ gốc và 5.584.005 đồng tiền lãi quá hạn (*lãi tính đến ngày 17/11/2020*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các Điều 6, 7 và 9 LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS.

Buộc anh Đào Công L phải chịu án phí DSST là 3.540.744 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Gia Lai-Phòng giao dịch An Khê số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 1.610.468 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003410 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Nguyên**



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA